

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-PT

Ngày 20/9/2023

“V/v tranh chấp lối đi chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương; ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLPT-DS ngày 03/8/2023 về việc “Tranh chấp lối đi chung”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị O, địa chỉ: Thôn 08, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đồng Đức S, địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn 08, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Lê Thị O, địa chỉ: Thôn 08, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Đặng Viết Th, địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

+ Bà Bùi Thị B, địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Phạm Minh Tr, địa chỉ: Thôn 08, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

+ Bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn 08, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của ông Đồng Đức S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

Năm 1999, gia đình bà O có nhận chuyển nhượng thửa đất hiện nay đang sử dụng của ông Điều K (hiện nay không rõ ở đâu), mua bán bằng giấy viết tay, thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất này, diện tích là 12069m², có tứ cận: Phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp đất bà Hồng; Phía Nam giáp suối và Phía Bắc giáp đất của ông Tr và ông S. Về tứ cận đất đều sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Khi gia đình bà mua thì đất không có đường đi, đến năm 2000 ông Đặng Việt Th (hiện trú tại thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông) đã cho gia đình bà một con đường đi có chiều rộng khoảng 04m, chiều dài khoảng 100m chính là con đường hiện tại đang tranh chấp. Thời điểm ông Th cho gia đình bà con đường này thì ông S, bà B đã ở trên đất hiện tại, biết và không có ý kiến gì, ông S đã trồng một hàng bơ để làm ranh giới giữa đường đi của gia đình bà và đất của ông, hiện tại hàng bơ này vẫn đang còn. Đường này chỉ có gia đình bà sử dụng là chủ yếu, thỉnh thoảng gia đình anh Tr có đi, ông S cũng có đi trên đường này, phục vụ việc chăm sóc cà phê. Gia đình bà sử dụng đường đi ổn định từ năm 2000 đến nay không có tranh chấp với ai.

Đến tháng 6 năm 2020 ông S và bà B bất ngờ dùng cây cối rào đường đi lại không cho gia đình bà sử dụng, gia đình bà vào gặp thỏa T với ông S và bà B thì ông bà đã dỡ bỏ cây cối để cho gia đình bà đi, nhưng sau đó khoảng 03 ngày thì ông S, bà B lại tiếp tục rào lại và còn hù dọa nếu gia đình chị O tiếp tục đi trên đất này sẽ bị đánh. Khi bị rào lối đi thì gia đình bà không có lối đi nào khác phải đi nhờ rẫy nhà anh Tr, ngoài đường đi này thì gia đình bà không có con đường nào khác để đi vào rẫy.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà B trả lại nguyên trạng lối đi chung để cho gia đình bà sử dụng, vị trí con đường theo tờ bản đồ địa chính đã thể hiện và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích cụ thể của con đường theo kết quả đo đạc.

Bị đơn ông Đông Đức S trình bày:

Năm 2000 gia đình ông có mua chung với anh Th lô đất tại thôn 10, xã Q, huyện T. Sau khi mua chia mỗi người một phần và gia đình ông sử dụng cho đến nay, còn phần đất của anh Th thì bán cho người khác, hiện tại đất anh Th mua cùng ông trước đây do anh Phạm Minh Tr đang canh tác sử dụng. Hiện diện tích đất gia đình ông đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó (năm 1999) gia đình bà O có mua đất rẫy của anh Điều K sát ranh giới với đất của gia đình ông, diện tích bao nhiêu không biết. Do đất bà O có đường đi khó khăn nên bà O tự ý đi qua đường mòn do gia đình ông tự mở để tiện vận chuyển phân bón, bà O đi từ năm 2000. Con đường đang tranh chấp có chiều rộng khoảng 4m, chiều dài khoảng 100m, gia đình ông trồng Chuối, Cam, Nhãn, Dổi (trồng năm

2019 và năm 2021). Việc bà O thỏa thuận gì về con đường với anh Th ông không biết. Nay bà O kiện bà trả lại con đường đi chung ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Anh Đặng Viết Th trình bày:* Năm 1999 ông mua của anh Văn K1 02ha đất rẫy, năm 2000 ông cần tiền nên chuyển nhượng lại cho ông S khoảng 01ha không đo đạc nhưng có chỉ ranh giới, đất tọa lạc tại thôn 10, xã Q, huyện T hiện nay. Nguồn gốc con đường đang tranh chấp giữa bà O và ông S hiện nay là vào năm 2000 gia đình bà O nhận chuyển nhượng đất của ông Điều K không có con đường đi qua rẫy nên có thỏa T xin ông Th con đường đi và được ông đồng ý, con đường rộng khoảng 4m, chiều dài khoảng 100m. Thời điểm mở đường đi ông nói với vợ chồng ông S thống nhất cho vợ chồng bà O con đường đi trên đất ông Th không liên quan đến đất ông S. Năm 2003 ông Th chuyển nhượng đất này lại cho chị Đặng Thị T1, sau này chị T1 bán lại cho anh Nhân và hiện nay thì ông Tr đang sử dụng. Con đường hiện nay đang tranh chấp không nằm trong đất của ông S, ông S chiếm là không đúng, ông Th yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông S trả con đường.

- *Ông Phạm Minh Tr khai:* Năm 2015 ông Tr nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn N với diện tích 01ha, gồm 02 thửa là 22, 23, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Phần đất thuộc thửa 23 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông thể hiện phía Nam giáp con đường. Quá trình sử dụng ông thấy bà O sử dụng con đường này, đến năm 2019 ông S không cho bà O đi nữa và hiện ông S đã trồng cây trên con đường này, từ khi tranh chấp đến nay ông có cho bà O đi nhờ qua rẫy ông để vận chuyển phân và cà phê. Con đường đang tranh chấp chỉ có bà O sử dụng, rẫy ông nằm trên đường chính nên ông không sử dụng con đường này nên không khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Chị Bùi Thị B thống nhất với quan điểm của anh Đồng Đức S (chồng chị B)

- Chị Nguyễn Thị Đ thống nhất với quan điểm anh Phạm Minh Tr (chồng chị Đ).

Tại bản án số 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O về việc “Tranh chấp quyền về lối đi chung” đối với ông Đồng Đức S.

Buộc vợ chồng ông Đồng Đức S chặt bỏ cây cối trên lối đi chung, trả lại lối đi chung diện tích là 292,3m², có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp đường đất 3,09m; Phía Tây Nam giáp đất anh Tr 97,67m; Phía Đông Bắc giáp đất anh S 97,18m; Phía Đông Nam giáp đất chị O 3m, thuộc tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại Thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2023, ông Đồng Đức S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Đồng Đức S làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. *Về nội dung giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo.*

[2.1]. *Về nguồn gốc và quá trình sử dụng của con đường đang tranh chấp:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và lời khai của ông Đặng Viết Th thì thấy: Con đường đang tranh chấp có trên thực tế là do ông Th (người có rẫy giáp ranh) cho bà O sử dụng đi lại từ năm 2000 do con đường cũ của bà O dốc cao không thể đi lại được. Bà O đã sử dụng để đi lại liên tục trên con đường này từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp, gia đình ông S biết cũng không có ý kiến phản đối. Quá trình giải quyết vụ án ông S cũng thừa nhận là khi mua cùng với ông Th từ năm 2000 thì đã có con đường để các hộ dân đi lại và gia đình ông sử dụng để vận chuyển phân bón. Mặt khác, hiện tại diện tích đất ông S đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã kê khai và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà O và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Minh Tr thửa 23 (giáp ranh con đường) đều thể hiện có con đường đi.

[2.2]. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q thì đường đi hiện tại đang tranh chấp được thể hiện trên tờ bản đồ địa chính số 45. Kết quả xem xét tại chỗ đo đạc hiện trạng và lồng ghép thể hiện con đường đang tranh chấp trùng khớp với con đường trên tờ bản đồ số 45. Do vậy, việc bị đơn có hành vi rào chắn, trồng cây trên lối đi chung đã được thể hiện trên tờ bản đồ địa chính và thực tế sử dụng là hành vi cản trở và lấn chiếm lối đi chung trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O, buộc vợ chồng ông Đồng

Đức S chắm dứt hành vi cản trở và trả lại lối đi chung có diện tích 292,3m² theo tờ bản đồ địa chính số 45 và xác định rõ vị trí, tứ cận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có cơ sở nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông là phù hợp.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đồng Đức S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Đức S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng các khoản 3 Điều 160, Điều 164, Điều 169, Điều 175, Điều 176, Điều 245 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O.

Buộc vợ chồng ông Đồng Đức S, bà Bùi Thị B chắm dứt hành vi cản trở, tháo dỡ, chặt bỏ cây trồng trên lối đi chung và trả lại lối đi chung có diện tích 292,3m², có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp đường đất 3,09m; Phía Tây Nam giáp đất anh Tr 97,67m; Phía Đông Bắc giáp đất ông S 97,18m; Phía Đông Nam giáp đất bà O 3m, thuộc tờ bản đồ số 45 đo đạc năm 1997-1998, tọa lạc tại Thôn 10, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. *(kèm theo kết quả đo đạc ngày 17 tháng 8 năm 2022)*

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đồng Đức S phải chịu 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)*. Do bà Lê Thị O đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông Đồng Đức S hoàn trả cho bà Lê Thị O 9.000.000đ *(Chín triệu đồng)* tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đồng Đức S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị O 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001315, ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Đồng Đức S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên số: 0002680 ngày 30/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng